

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chuẩn đầu ra các ngành, chuyên ngành đào tạo
trình độ Đại học tại Trường Đại học Tài chính- Marketing**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Sáp nhập trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 về việc ban hành Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22 tháng 04 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo”;

Xét đề nghị của thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng Phòng Quản lý đào tạo và Trưởng phòng Quản lý khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chuẩn đầu ra các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ Đại học của Trường Đại học Tài chính – Marketing (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Chuẩn đầu ra này áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ Đại học (các loại hình đào tạo: chính quy, vừa làm vừa học, liên thông...) đối với các ngành, chuyên ngành đào tạo tại Điều 1 từ khóa tuyển sinh năm 2019 trở đi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các Phòng, Khoa, Trường các đơn vị có liên quan và sinh viên theo học chương trình đào tạo trình độ Đại học tại Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



TS. Hoàng Đức Long

DANH SÁCH CHUẨN ĐẦU RA
CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1889** /QĐ-ĐHTCM ngày **06** tháng **9** năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp
		Quản trị bán hàng
		Quản lý kinh tế
		Quản trị dự án
2	Marketing	Quản trị Marketing
		Truyền thông marketing
		Quản trị thương hiệu
3	Kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh quốc tế
		Thương mại quốc tế
4	Bất động sản	Kinh doanh Bất động sản
5	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
		Ngân hàng
		Tài chính bảo hiểm và đầu tư
		Thẩm định giá
		Thuế
		Tài chính công
		Hải quan – Xuất nhập khẩu
		Tài chính định lượng
6	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp
		Kiểm toán
7	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh kinh doanh
Tổng cộng: 07 ngành, 21 chuyên ngành đào tạo./.		

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN
CHUYÊN NGÀNH KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889/QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Bất động sản (Real Estate)

Tên chuyên ngành đào tạo: Kinh doanh bất động sản (Real Estate Business)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA
Kiến thức	K1. Có kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế. K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, tin học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế. K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Kinh doanh bất động sản K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế và các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - quản trị nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức ngành, chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Kinh doanh bất động sản. K5. Hiểu và phân tích được các nguyên lý cơ bản của lĩnh vực bất động sản trong quá trình vận hành của thị trường bất động sản, hoạt động của các tổ chức kinh tế. K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của tổ chức, doanh nghiệp. K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực Kinh doanh bất động sản trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp, K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực bất động sản trong thực tiễn.
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực Kinh doanh bất động sản. S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Kinh doanh bất động sản. S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Kinh doanh bất động sản. S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc S5. Ứng dụng tốt tin học và ngoại ngữ trong công việc
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp. A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp

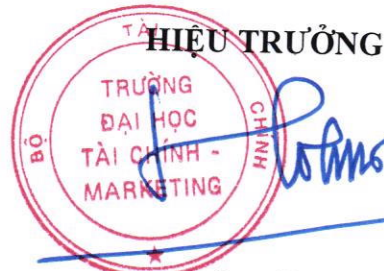
Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Đại đa số sinh viên có thể làm công việc liên quan đến lĩnh vực bất động sản tại các bộ phận thuộc các cơ quan quản lý nhà nước như Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Quỹ đầu tư phát triển các tỉnh, thành phố...; phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng..v.v... các quận huyện, Ban quản lý dự án, các ngân hàng, công ty tư vấn đầu tư kinh doanh bất động sản, công ty quản lý bất động sản,..v.v...
- Một số sinh viên có khả năng giảng dạy và nghiên cứu có thể làm việc tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tốt nghiệp chuyên ngành Kinh doanh bất động sản, sinh viên có khả năng tự học tập suốt đời để nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp của mình; bên cạnh đó sinh viên có thể hoạch định cho mình một kế hoạch học tập ở bậc sau đại học nhằm nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp và nâng cao tầm nhìn cũng như quản lý về lĩnh vực nghề nghiệp bất động sản.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Kinh doanh quốc tế (International Business)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh quốc tế (International Business Administration)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Nắm vững về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và pháp luật để tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.	- Hiểu
	K2: Nắm vững kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc về nghiệp vụ quản trị kinh doanh quốc tế [đạt chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Word, Excel)].	- Hiểu
	K3: Nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản và toàn diện về kinh tế và kinh doanh quốc tế; kiến thức thực tế vững chắc và lý thuyết chuyên sâu về quản trị kinh doanh quốc tế.	- Hiểu
	K4: Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn giải thích được cách thức thiết lập, tổ chức thực hiện và kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ; các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong nước và quốc tế tại doanh nghiệp.	- Vận dụng
	K5: Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn để phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động kinh doanh quốc tế tại doanh nghiệp.	- Phân tích - Đánh giá
Kỹ năng	S1: Biết cách chuyển tải, phân tích, phản biện, phổ biến các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.	- Làm được
	S2: Biết cách truyền đạt, giám sát, quản trị các công việc được giao; dẫn dắt, hướng dẫn nghiệp vụ thương mại quốc tế cho người khác.	- Làm được
	S3: Vận dụng được công nghệ thông tin và ngoại	- Làm được

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	ngữ (tiếng Anh – bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) để giải quyết các công việc liên quan đến thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. S4: Thiết lập, tổ chức thực hiện và kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ; chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong nước và quốc tế tại doanh nghiệp một cách chính xác. S5: Phân tích, đánh giá, phản biện và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động thương mại quốc tế thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế một cách sáng tạo.	- Phối hợp - Thuần thực
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1: Thực hiện công việc một cách sáng tạo và độc lập, hoặc theo nhóm, đồng thời tự chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với công việc của nhóm. A2: Tổ chức hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các công việc xác định. A3: Tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, đưa ra kết luận và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. A4: Tích cực, chủ động trong việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của cá nhân, của nhóm và tổ chức.	- Đáp ứng - Tổ chức thực hiện - Hình thành giá trị - Đặc trưng hóa

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể trở thành nhà quản lý, chuyên viên công tác tại các bộ phận:

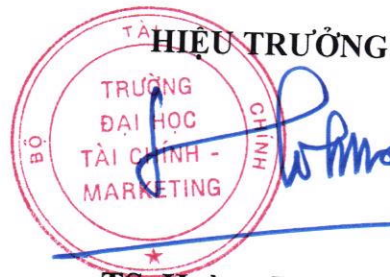
- Bộ phận kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư, mua bán hàng hóa quốc tế, kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp thương mại - tài chính - đầu tư liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế.

- Bộ phận thống kê, nghiên cứu, kế hoạch của các tổ chức kinh tế, các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, các cơ quan quản lý thị trường, cơ quan quản lý kinh doanh các cấp.
- Bộ phận kinh doanh, thanh toán, hay chăm sóc khách hàng tạo các ngân hàng.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Người học có khả năng nghiên cứu độc lập, tự học và tự nâng cao trình độ trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh quốc tế nói riêng và ngành Kinh doanh quốc tế nói chung.
- Có khả năng tiếp tục theo học các chương trình sau đại học ngành Kinh doanh quốc tế, hoặc ngành Quản trị Kinh doanh tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ
CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Kinh doanh quốc tế (International Business)

Tên chuyên ngành đào tạo: Thương mại quốc tế (International Commerce)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Nắm vững về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và pháp luật để tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.	- Hiểu
	K2: Nắm vững kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc về nghiệp vụ quản trị kinh doanh quốc tế [đạt chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Word, Excel)].	- Hiểu
	K3: Nắm vững kiến thức lý thuyết cơ bản và toàn diện về kinh tế và kinh doanh quốc tế; kiến thức thực tế vững chắc và lý thuyết chuyên sâu về thương mại quốc tế.	- Hiểu
	K4: Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn giải thích được cách thức thiết lập, tổ chức thực hiện và kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ; các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong nước và quốc tế tại doanh nghiệp.	- Vận dụng
	K5: Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn để phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động thương mại quốc tế tại doanh nghiệp.	- Phân tích - Đánh giá
Kỹ năng	S1: Biết cách chuyển tải, phân tích, phản biện, phổ biến các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.	- Làm được
	S2: Biết cách truyền đạt, giám sát, quản trị các công việc được giao; dẫn dắt, hướng dẫn nghiệp vụ thương mại quốc tế cho người khác.	- Làm được
	S3: Vận dụng được công nghệ thông tin và ngoại ngữ (tiếng Anh – bậc 3/6 khung năng lực	- Làm được

	ngoại ngữ Việt Nam) để giải quyết các công việc liên quan đến thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. S4: Thiết lập, tổ chức thực hiện và kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ; chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong nước và quốc tế tại doanh nghiệp một cách chính xác. S5: Phân tích, đánh giá, phản biện và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động thương mại quốc tế thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế một cách sáng tạo.	- Phối hợp - Thuần thực
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1: Thực hiện công việc một cách sáng tạo và độc lập, hoặc theo nhóm, đồng thời tự chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với công việc của nhóm. A2: Tổ chức hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các công việc xác định. A3: Tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, đưa ra kết luận và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. A4: Tích cực, chủ động trong việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của cá nhân, của nhóm và tổ chức.	- Đáp ứng - Tổ chức thực hiện - Hình thành giá trị - Đặc trưng hóa

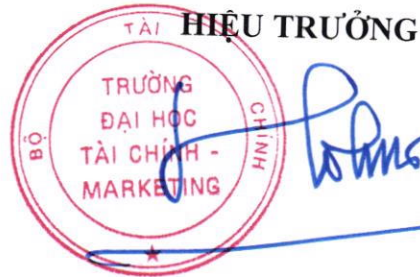
Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên hoặc cán bộ quản lý các phòng nghiệp vụ tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế.
- Nhân viên hoặc cán bộ quản lý phòng XNK, phòng marketing, phòng kinh doanh, phòng cung ứng tại các doanh nghiệp xuất nhập khẩu; Làm nhân viên hoặc quản lý kinh doanh, hiện trường, chứng từ, khai hải quan... cho các công ty kho vận, giao nhận, các đơn vị kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa đường biển, đường bộ, đường không.
- Làm nhân viên hoặc quản lý tại các văn phòng đại diện;
- Làm chuyên viên tại các tổ chức kinh tế, các viện nghiên cứu, hoặc tham gia công tác trợ giảng các trường đại học, cao đẳng;
- Làm chuyên viên hoặc quản lý chuyên môn tại các cơ quan quản lý thị trường, quản lý thương mại các cấp;
- Làm giao dịch viên, chuyên viên hoặc cán bộ quản lý phòng thanh toán trong ngân hàng.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Người học có khả năng nghiên cứu độc lập, tự học và tự nâng cao trình độ trong lĩnh vực Thương mại quốc tế nói riêng và lĩnh vực Kinh doanh quốc tế nói chung.
- Có khả năng tiếp tục theo học các chương trình sau đại học ngành Kinh doanh quốc tế, ngành Quản trị kinh doanh tại các trường đại học trong nước và quốc tế

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KẾ TOÁN
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Kế toán (Accounting)

Tên chuyên ngành đào tạo: Kiểm toán (Auditing)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Nội dung	Ký hiệu	Mức độ đáp ứng của người học
Kiến thức	K1	Biết, hiểu và có thể vận dụng các quan điểm và nguyên lý cơ bản về kế toán – kiểm toán
	K2	Giải thích được những điểm cơ bản về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam
	K3	Biết, hiểu và có thể vận dụng những kỹ thuật và kiến thức thực tế để giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực kiểm toán
	K4	Biết, hiểu và có thể vận dụng được các kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội, kiến thức pháp luật có liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán
	K5	Biết, hiểu và có thể vận dụng được các kiến thức quản lý, điều hành liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán
Kỹ năng	S1	Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm phục vụ công tác trong lĩnh vực kiểm toán, đạt trình độ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel).
	S2	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở trình độ trên trung bình , đạt trình độ đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc Toeic 405 hoặc tương đương.
	S3	Thực hiện thành thạo việc kiểm tra, ghi chép tài liệu kế toán, lập báo cáo kế toán/báo cáo thuế; lập kế hoạch, thực hiện các cuộc kiểm toán; phân tích và đưa ra những kết luận phù hợp về những vấn đề về kiểm toán dựa trên những cơ sở dữ liệu khác trong một đơn vị.
	S4	Thực hiện thành thạo các kỹ năng thuyết trình, phản biện, tổng hợp, đánh giá các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng tổ chức, làm việc theo nhóm.
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1	Tích cực, nhiệt tình tham gia công tác xã hội, đoàn thể.
	A2	Có tinh thần học tập để nâng cao trình độ; Hợp tác và giúp đỡ thành viên khác trong tập thể

Nội dung	Ký hiệu	Mức độ đáp ứng của người học
	A3	Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động
	A4	Phong cách làm việc chuyên nghiệp; Tác phong công nghiệp; có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế – xã hội, các yêu cầu của sự đổi mới trong lãnh vực kế toán – kiểm toán.

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị và tổ chức trong xã hội như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ, công ty kiểm toán, cơ quan kiểm toán nhà nước, ngân hàng, công ty bảo hiểm, các cơ quan tài chính, cục thuế, kho bạc, viện nghiên cứu kinh tế - tài chính, các trường đại học. Có thể đảm nhận các chức danh phụ trách kế toán, kế toán trưởng, tư vấn kế toán, kiểm toán viên nội bộ tại các doanh nghiệp, trợ lý kiểm toán viên tại các công ty kiểm toán độc lập, làm việc tại cơ quan kiểm toán nhà nước ...

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn.
- Khả năng học tiếp các chương trình đào tạo trình độ sau đại học.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KẾ TOÁN
CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Kế toán (Accounting)

Tên chuyên ngành đào tạo: Kế toán doanh nghiệp (Corporation Accounting)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:

1. Kỹ năng Giao tiếp.
2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
3. Kỹ năng Tìm việc.
4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Nội dung	Ký hiệu	Mức độ đáp ứng của người học
Kiến thức	K1	Biết, hiểu và có thể vận dụng các quan điểm và nguyên lý cơ bản về kế toán – kiểm toán
	K2	Giải thích được những điểm cơ bản về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam
	K3	Biết, hiểu và có thể vận dụng những kỹ thuật và kiến thức thực tế để giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp
	K4	Biết, hiểu và có thể vận dụng được các kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội, kiến thức pháp luật có liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán
	K5	Biết, hiểu và có thể vận dụng được các kiến thức quản lý, điều hành liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán
Kỹ năng	S1	Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm phục vụ công tác trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp, đạt trình độ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel).
	S2	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở trình độ trên trung bình, đạt trình độ đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.
	S3	Thực hiện thành thạo việc thu thập, xử lý, kiểm tra, ghi chép tài liệu kế toán, lập báo cáo kế toán/ báo cáo thuế, phân tích báo cáo kế toán.
	S4	Thực hiện thành thạo các kỹ năng thuyết trình, phản biện, tổng hợp, đánh giá các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng tổ chức, làm việc theo nhóm.

Nội dung	Ký hiệu	Mức độ đáp ứng của người học
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1	Tích cực, nhiệt tình tham gia công tác xã hội, đoàn thể.
	A2	Có tinh thần học tập để nâng cao trình độ; Hợp tác và giúp đỡ thành viên khác trong tập thể
	A3	Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động
	A4	Tác phong công nghiệp; có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế – xã hội, các yêu cầu của sự đổi mới trong lãnh vực kế toán – kiểm toán.

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị và tổ chức trong xã hội như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ, công ty dịch vụ kế toán, công ty kiểm toán, ngân hàng, công ty bảo hiểm, các cơ quan tài chính, cục thuế, kho bạc, viện nghiên cứu kinh tế - tài chính, các trường đại học. Có thể đảm nhận các chức danh: Chuyên viên kế toán; Phụ trách kế toán, Kế toán trưởng, Chuyên viên tư vấn doanh nghiệp,...

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn.
- Khả năng học tiếp các chương trình đào tạo trình độ sau đại học.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH MARKETING
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ MARKETING**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Marketing (Marketing)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị Marketing (Marketing Management)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học
Kiến thức	K1. Hiểu rộng và sâu sắc kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật.	2 - Hiểu
	K2. Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về marketing để có thể đánh giá về môi trường, thị trường, người tiêu dùng và đối thủ cạnh tranh.	5 - Đo lường, đánh giá
	K3. Kiến thức vững vàng về toán học và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc marketing.	3 - Áp dụng
	K4. Vững vàng và sâu sắc về kiến thức và thực tiễn, sáng tạo trong lập chiến lược, kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình, thực thi hoạt động marketing.	6 - Sáng tạo
	K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động marketing cho doanh nghiệp/tổ chức.	3 - Áp dụng
Kỹ năng	S1. Đạt được kỹ năng cần thiết để có thể sáng tạo trong giải quyết các vấn đề phức tạp của quản trị marketing trong bối cảnh thay đổi.	6 - Sáng tạo
	S2. Vững vàng về kỹ năng để sáng tạo trong khởi nghiệp, dẫn dắt, tạo động lực và việc làm cho mình và cho người khác.	6 - Sáng tạo
	S3. Nhuận nhuễn về kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp marketing thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	5 - Đo lường, đánh giá
	S4. Thành thạo về kỹ năng đánh giá chất lượng công việc marketing sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	5 - Đo lường, đánh giá
	S5. Áp dụng được các kỹ năng truyền đạt, tạo cảm hứng về vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng marketing, quản trị marketing.	3 - Áp dụng
	S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	3 - Áp dụng

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Sáng tạo trong làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân với người khác và với xã hội.	6 - Sáng tạo
	A2. Thành thực trong hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ marketing, quản trị marketing xác định nhóm trên tinh thần trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	6 - Sáng tạo
	A3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn quản trị marketing và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, phát triển khả năng học tập suốt đời.	6 - Sáng tạo
	A4. Sáng tạo trong lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động quản trị marketing.	6 - Sáng tạo

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình cử nhân quản trị marketing có thể làm việc ở bộ phận marketing, bộ phận kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước, hoặc làm việc tại các công ty dịch vụ marketing như quảng cáo, tổ chức sự kiện, nghiên cứu thị trường... hoặc có thể làm việc tại các bộ phận marketing, truyền thông... của các cơ quan nhà nước hoặc các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ.
- Một bộ phận sinh viên ra trường có thể làm công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có thể tiếp tục học ở các bậc sau đại học các chuyên ngành có liên quan như Marketing, Quản trị kinh doanh.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH MARKETING
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Marketing (Marketing)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị thương hiệu (Brand Management)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học
Kiến thức	K1. Hiểu rộng và sâu sắc kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật.	2 - Hiểu
	K2. Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về marketing để có thể đánh giá về môi trường, thị trường, người tiêu dùng và đối thủ cạnh tranh.	5 - Đo lường, đánh giá
	K3. Kiến thức vững vàng về toán học và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc marketing.	3 - Áp dụng
	K4. Vững vàng và sâu sắc về kiến thức và thực tiễn, sáng tạo trong lập chiến lược, kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình, thực thi marketing và thương hiệu.	6 - Sáng tạo
	K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động marketing, thương hiệu cho doanh nghiệp.	3 - Áp dụng
Kỹ năng	S1. Đạt được kỹ năng cần thiết để có thể sáng tạo trong giải quyết các vấn đề phức tạp của thương hiệu trong bối cảnh thay đổi.	6 - Sáng tạo
	S2. Vững vàng về kỹ năng để sáng tạo trong khởi nghiệp, dẫn dắt, tạo động lực và việc làm cho mình và cho người khác.	6 - Sáng tạo
	S3. Nhuần nhuyễn về kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp marketing thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	5 - Đo lường, đánh giá
	S4. Thành thạo về kỹ năng đánh giá chất lượng công việc marketing sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	5 - Đo lường, đánh giá
	S5. Áp dụng được các kỹ năng truyền đạt, tạo cảm hứng về vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng marketing, thương hiệu.	3 - Áp dụng
	S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	3 - Áp dụng

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Sáng tạo trong làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân với người khác và với xã hội.	6 - Sáng tạo
	A2. Thành thực trong hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ marketing, quản trị marketing xác định nhóm trên tinh thần trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	6 - Sáng tạo
	A3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn quản trị marketing và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, phát triển khả năng học tập suốt đời.	6 - Sáng tạo
	A4. Sáng tạo trong lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động quản trị marketing.	6 - Sáng tạo

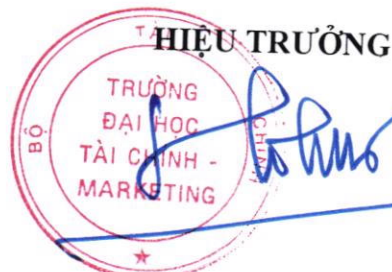
Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình cử nhân marketing chuyên ngành quản trị thương hiệu có thể làm việc ở bộ phận marketing, bộ phận quản trị thương hiệu, kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước, hoặc làm việc tại các công ty dịch vụ marketing như quảng cáo, tổ chức sự kiện, nghiên cứu thị trường...
- Sau khi tốt nghiệp, các tân cử nhân có thể làm việc tại các bộ phận marketing, thương hiệu, truyền thông... của các cơ quan nhà nước hoặc các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ.
- Một bộ phận sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có thể tiếp tục học ở các bậc sau đại học các chuyên ngành có liên quan như Marketing, Quản trị kinh doanh.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH MARKETING
CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG MARKETING**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Marketing (Marketing)

Tên chuyên ngành đào tạo: Truyền thông Marketing (Marketing Communication)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học
Kiến thức	K1. Hiểu rộng và sâu sắc kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật.	2 - Hiểu
	K2. Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về marketing để có thể đánh giá về môi trường, thị trường, người tiêu dùng và đối thủ cạnh tranh.	5 - Đo lường, đánh giá
	K3. Kiến thức vững vàng về toán học và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc marketing.	3 - Áp dụng
	K4. Vững vàng và sâu sắc về kiến thức và thực tiễn, sáng tạo trong lập chiến lược, kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình, thực thi marketing và truyền thông marketing.	6 - Sáng tạo
	K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động marketing, truyền thông marketing cho doanh nghiệp.	3 - Áp dụng
Kỹ năng	S1. Đạt được kỹ năng cần thiết để có thể sáng tạo trong giải quyết các vấn đề phức tạp của truyền thông marketing trong bối cảnh thay đổi.	6 - Sáng tạo
	S2. Vững vàng về kỹ năng để sáng tạo trong khởi nghiệp, dẫn dắt, tạo động lực và việc làm cho mình và cho người khác.	6 - Sáng tạo
	S3. Nhuần nhuyễn về kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp marketing thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	5 - Đo lường, đánh giá
	S4. Thành thạo về kỹ năng đánh giá chất lượng công việc marketing sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	5 - Đo lường, đánh giá
	S5. Áp dụng được các kỹ năng truyền đạt, tạo cảm hứng về vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng marketing, quản trị marketing.	3 - Áp dụng
	S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	3 - Áp dụng

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Sáng tạo trong làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân với người khác và với xã hội.	6 - Sáng tạo
	A2. Thành thực trong hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ marketing, quản trị marketing xác định nhóm trên tinh thần trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	6 - Sáng tạo
	A3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn quản trị marketing và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, phát triển khả năng học tập suốt đời.	6 - Sáng tạo
	A4. Sáng tạo trong lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động quản trị marketing.	6 - Sáng tạo

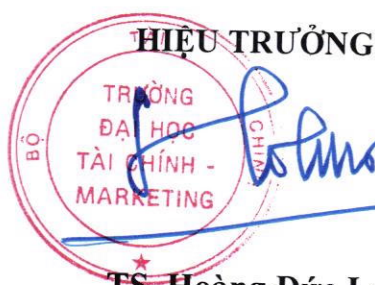
Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình cử nhân marketing chuyên ngành truyền thông marketing có thể làm việc ở bộ phận marketing, bộ phận truyền thông marketing, kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước, hoặc làm việc tại các công ty dịch vụ marketing như quảng cáo, tổ chức sự kiện, nghiên cứu thị trường...
- Sau khi tốt nghiệp, các tân cử nhân có thể làm việc tại các bộ phận marketing, thương hiệu, truyền thông... của các cơ quan nhà nước hoặc các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ.
- Một bộ phận sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có thể tiếp tục học ở các bậc sau đại học các chuyên ngành có liên quan như Marketing, Quản trị kinh doanh...

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH KINH DOANH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (English Language)

Tên chuyên ngành đào tạo: Tiếng Anh kinh doanh (Business English)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.3. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.3.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.3.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1 Biết, hiểu và có thể vận dụng kiến thức về triết học, chính trị, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong học tập và cuộc sống	Hiểu biết, áp dụng
	K2 Biết, hiểu và có thể vận dụng được kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học trong học tập	Hiểu biết, phân tích, áp dụng
	K3 Nắm vững kiến thức về ngôn ngữ học tiếng Việt làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành	Áp dụng, sáng tạo
	K4 Có hiểu biết về văn hóa truyền thống đất nước, hiểu biết về môi trường quốc tế và hội nhập kinh tế	Hiểu biết, phân tích, áp dụng
	K5 Có kiến thức cơ bản về nguyên lý Marketing, quản trị học, kinh tế trong nền kinh tế thị trường làm nền tảng cho các môn chuyên ngành	Hiểu biết, áp dụng
	K6 Có kiến thức cơ bản về hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu, tổ chức và quản lý dữ liệu văn bản	Áp dụng
	K7 Có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học tiếng Anh, xã hội, văn hóa, địa lý, lịch sử, văn học, nghệ thuật, chính trị, kinh tế, pháp luật, giáo dục, y tế ...) của Vương quốc Anh và Hoa Kỳ để có thể phân tích đối chiếu được kiến thức cơ bản về các vấn đề trên với Việt Nam văn minh và văn học Anh – Mỹ và vận dụng được vào các tình huống giao tiếp ngôn ngữ và giao thoa văn hóa.	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng
	K8 Nắm vững kiến thức về ngôn ngữ sử dụng trong việc biên và phiên dịch Việt – Anh, Anh – Việt trong các lĩnh vực chuyên ngành Marketing, Quản trị, Tài chính – Ngân hàng, Du lịch – Khách sạn, Quan hệ công chúng, Quản lý sự kiện.	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	K9 Vận dụng được kiến thức nền tảng về Ngôn ngữ Anh (ngữ Âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa) vào kỹ năng giao tiếp tiếng Anh một cách thuần thục ở cấp độ 5 theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam (tương đương C1 theo khung CEFR) và vận dụng được để thực hiện các tình huống kỹ năng giao tiếp tiếng Anh có liên quan đến chuyên ngành một cách trôi chảy, thông suốt trong các ngữ cảnh của thực tiễn công việc.	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng, sáng tạo
	K10 Có kiến thức và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hai – Tiếng Trung cấp độ 2 (sơ cấp) theo khung năng lực Ngoại Ngữ 6 bậc Việt Nam (tương đương A2 theo khung CEFR) và vận dụng được để thực hiện được các tình huống giao tiếp bằng tiếng Trung.	Hiểu biết, áp dụng
Kỹ năng	S1 Vận dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh Nghe – Nói – Đọc Viết trong các lĩnh vực giao tiếp xã hội và giao tiếp trong các lĩnh vực kinh doanh, thương mại; và vận dụng kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ hai ở cấp độ cơ bản	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng, sáng tạo
	S2 Có kỹ năng soạn thảo báo cáo, văn bản hành chính, thương mại và thuyết trình hiệu quả về các chủ đề xã hội và thuộc lĩnh vực kinh doanh bằng tiếng Anh, tiếng Việt	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng, sáng tạo
	S3 Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh dưới nhiều hình thức: trực tiếp, qua email, điện thoại, thư tín với khách hàng, đối tác	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng, sáng tạo
	S4 Có kỹ năng biên và phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh trong các cuộc thảo luận và các văn bản tài liệu giao dịch về chủ đề xã hội và trong lĩnh vực kinh doanh	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng, sáng tạo

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	S5 Có khả năng giảng dạy Tiếng Anh ở cấp độ căn bản;	Hiểu biết, áp dụng, sáng tạo
	S6 Có kỹ năng sử dụng thành thạo Internet và các phần mềm cơ bản như MS-Word, MS-Excel, Microsoft Outlook ứng dụng vào công việc thực tế.	Hiểu biết, áp dụng
	S7 Có tư duy logic; có khả năng cập nhật, phát hiện và xử lý các tình huống xảy ra	Phân tích, đánh giá, áp dụng
	S8 Có kỹ năng xử lý thông tin và phản biện	Phân tích, đánh giá, áp dụng
	S9 Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tranh luận, trình bày ý tưởng, viết đề án.	Phân tích, đánh giá, áp dụng, sáng tạo
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1 Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, không ngừng nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ được đào tạo	Phân tích, áp dụng, sáng tạo
	A2 Có khả năng tiếp cận, tự điều chỉnh để hòa nhập với các môi trường làm việc khác nhau	Phân tích, áp dụng, sáng tạo
	A3 Có tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ, văn hóa-văn minh, kinh tế xã hội của các nước cộng đồng Anh ngữ, có khả năng theo học các khóa học về ngôn ngữ hay kinh doanh ở trình độ cao hơn	Phân tích, áp dụng, sáng tạo
	A4 Có ý thức trách nhiệm công dân, chấp hành pháp luật, tuân thủ các quy định của tổ chức, đoàn thể.	Phân tích, áp dụng, sáng tạo

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các công ty nước ngoài hay liên doanh với nước ngoài, khách sạn, công ty du lịch, trung tâm ngoại ngữ, trường trung học phổ thông, hoặc trong các tổ chức, cơ quan có sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, kinh doanh với các vị trí như trợ lý giám đốc, nhân viên tiếp tân, nhân viên văn phòng hay biên phiên dịch viên nội bộ cơ bản (Internal translators/ interpreters), nhân viên bộ phận Chăm sóc khách hàng, Marketing,...

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ theo học cao học tiếng Anh chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và một số chuyên ngành có liên quan tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889/QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản lý kinh tế (Economic Management)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA
Kiến thức	K1. Có các kiến thức về lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế. K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, tin học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế. K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế. K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế và các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - quản trị nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức ngành, chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế. K5. Hiểu và phân tích được các nguyên lý của quản lý và vận dụng trong hoạt động quản lý kinh tế. K6. Có khả năng thực hiện các công cụ và phương pháp quản lý kinh tế công trên bình diện quốc gia cũng như ở từng cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế. K7. Hiểu và vận dụng tốt các công cụ quản lý trong thực tiễn hoạt động có liên quan. K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực quản lý kinh tế trong thực tiễn.
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế. S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý kinh tế. S3. Thực hiện thành thạo các công cụ và phương pháp trong quản lý kinh tế. S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc. S5. Ứng dụng tốt tin học và ngoại ngữ trong công việc.
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp. A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp. A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.

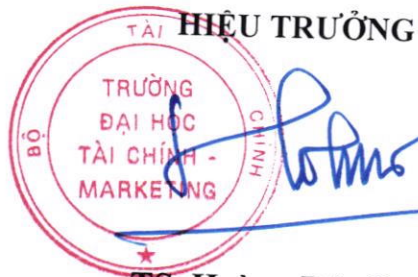
Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Chuyên gia phân tích chính sách, chuyên gia tư vấn, hoạch định chính sách kinh tế - xã hội trong các cơ quan công quyền.
- Nhà tư vấn về dự báo kinh tế cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác.
- Chuyên viên tác nghiệp trong các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội, những nhà kinh tế làm việc trong các dự án cộng đồng trong các tổ chức trong nước và quốc tế.
- Chuyên gia nghiên cứu, làm việc trong các viện nghiên cứu, các trường đại học.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Người học sau khi tốt nghiệp có thể tự học nghiên cứu chuyên sâu nâng cao hoặc học tiếp trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ về Quản lý kinh tế hoặc các chuyên ngành gần ở các chương trình đào tạo trong và ngoài nước.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BÁN HÀNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889/QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị bán hàng (Sales Management)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:

1. Kỹ năng Giao tiếp.
2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
3. Kỹ năng Tìm việc.
4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Hình thành tư duy logic, tư duy hệ thống và tư duy phản biện về các hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức.	Mức 2
	K2: Vận dụng phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản trị kinh doanh.	Mức 3
	K3: Hiểu được các quy luật, các nguyên lý vận hành kinh tế vĩ mô và vi mô.	Mức 2
	K4: Vận dụng nền tảng kiến thức trong quản trị và điều hành các hoạt động bán hàng trong tổ chức, dựa trên sự hiểu biết các kiến thức về lãnh đạo, quản trị, điều hành, nhân sự, marketing, tài chính, kế toán	Mức 3
	K5: Phân tích lựa chọn và sử dụng được các lý thuyết về bán hàng và quản trị bán hàng trong doanh nghiệp/tổ chức.	Mức 4
	K6: Xây dựng các kế hoạch nhằm giải quyết các vấn đề của bán hàng và quản trị bán hàng trong doanh nghiệp/ tổ chức.	Mức 5
	K7: Triển khai các hoạt động quản trị và điều hành trong lĩnh vực bán hàng	Mức 5
	K8: Kiểm soát và đánh giá các hoạt động quản trị và điều hành trong lĩnh vực bán hàng	Mức 5
	K9: Đề xuất phương thức quản trị tích hợp các hoạt động trong lĩnh vực bán hàng	Mức 6
	K10: Thiết lập ý tưởng và triển khai đề án khởi sự kinh doanh sáng tạo.	Mức 6
Kỹ năng	S1: Nhận diện các vấn đề quản trị bán hàng trong tổ chức	Mức 1
	S2: Phân tích và lựa chọn phương thức quản trị bán hàng hiệu quả cho doanh nghiệp/tổ chức.	Mức 2

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	S3: Triển khai , điều hành các phương thức quản trị bán hàng	Mức 5
	S4: Hoạch định chiến lược kinh doanh hoặc chiến lược khách hàng cho doanh nghiệp/tổ chức.	Mức 4
	S5: Giao tiếp và làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa, đa phương tiện	Mức 2
	S6: Thích ứng với môi trường hội nhập, môi trường toàn cầu hoá.	Mức 3
	S7: Giải quyết vấn đề và ra quyết định liên quan đến công tác bán hàng và quản trị bán hàng.	Mức 5
	S8: Sáng tạo và có khả năng khởi nghiệp	Mức 6
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	A1: Có nhận thức rèn luyện thể chất tốt, và ý thức công dân để đạt được năng lực tự chịu trách nhiệm công dân.	Mức 1
	A2: Có thái độ chuyên nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết vấn đề	Mức 2
	A3: Có thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa văn hóa.	Mức 2
	A4: Có ý thức trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	Mức 1
	A5: Có ý thức trong việc phát triển năng lực kết nối và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội.	Mức 1
	A6: Có khả năng nhận thức sự thay đổi, hình thành năng lực học tập để thích ứng với sự thay đổi.	Mức 3
	A7: Có năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân.	Mức 4

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Quản trị bán hàng có thể làm việc trong tất cả các loại hình doanh nghiệp, ở các vị trí cơ bản như sau:

- Phòng bán hàng.
- Phòng Marketing.
- Phòng kinh doanh.
- Phòng cung ứng.
- Phòng quan hệ khách hàng (Phòng chăm sóc khách hàng).

Với kiến thức và kỹ năng được đào tạo trong trường, sau quá trình phấn đấu rèn luyện, cử nhân Quản trị bán hàng có thể đảm đương tốt các chức vụ lãnh đạo doanh nghiệp như: cố vấn, trợ lý, trưởng phòng, giám đốc kinh doanh, giám đốc marketing, giám đốc bán hàng,... và giám đốc doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, cử nhân Quản trị bán hàng được đào tạo căn cơ về các kiến thức ngành quản trị, nên có thể làm việc trong các bộ phận quản trị nhân sự, tổ chức, hành chính,... trong một doanh nghiệp. Ngoài ra, cử nhân Quản trị bán hàng có thể đảm đương các vị trí quản trị trong các tổ chức chính quyền, đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ.

Cử nhân Quản trị bán hàng cũng có thể đảm nhận vị trí giảng viên các trường cao đẳng và đại học, nghiên cứu viên các viện nghiên cứu kinh tế và quản trị.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân Quản trị bán hàng có thể tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) ở các chuyên ngành trong khối ngành Quản trị kinh doanh:

- Chuyên ngành thương mại.
- Chuyên ngành ngoại thương.
- Chuyên ngành marketing.
- Chuyên ngành quản trị bán hàng.
- Chuyên ngành quản trị kinh doanh quốc tế.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỰ ÁN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị dự án (Project Management)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Hình thành tư duy logic, tư duy hệ thống và tư duy phản biện về các hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức.	Mức 2
	K2: Vận dụng phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản trị kinh doanh.	Mức 3
	K3: Hiểu được các quy luật, các nguyên lý vận hành kinh tế vĩ mô và vi mô.	Mức 2
	K4: Vận dụng nền tảng kiến thức trong quản trị và điều hành các hoạt động trong tổ chức, dựa trên sự hiểu biết các kiến thức về lãnh đạo; quản trị, điều hành, nhân sự, marketing, tài chính, kế toán	Mức 3
	K5: Phân tích lựa chọn và sử dụng được các lý thuyết quản trị về điều hành doanh nghiệp/tổ chức.	Mức 4
	K6: Xây dựng (thiết lập), phân tích và đánh giá (thẩm định) được hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án đầu tư.	Mức 5
	K7: Triển khai, điều hành dự án.	Mức 5
	K8: Kiểm soát và đánh giá dự án.	Mức 5
	K9: Sáng tạo, đề xuất các phương thức quản trị hiệu quả trong các lĩnh vực quản trị dự án.	Mức 6
	K10: Hình thành năng lực dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	Mức 6
Kỹ năng	S1: Nhận diện các vấn đề quản trị trong tổ chức	Mức 2
	S2: Phân tích và lựa chọn phương thức quản trị hiệu quả cho doanh nghiệp/tổ chức.	Mức 4
	S3: Triển khai, điều hành các phương thức quản trị	Mức 3
	S4: Hoạch định chiến lược kinh doanh hoặc chiến lược vận hành doanh nghiệp/tổ chức.	Mức 3
	S5: Giao tiếp và làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa, đa phương tiện	Mức 3
	S6: Thích ứng với môi trường hội nhập, môi trường toàn cầu hoá.	Mức 4
	S7: Giải quyết vấn đề và ra quyết định liên quan đến công tác kinh doanh và quản lý.	Mức 5
	S8: Sáng tạo và có khả năng khởi nghiệp	Mức 6

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1: Có thể chất tốt, và ý thức công dân để đạt được năng lực tự chịu trách nhiệm công dân.	Mức 2
	A2: Thái độ chuyên nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết vấn đề	Mức 4
	A3: Thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa văn hóa.	Mức 3
	A4: Ý thức trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	Mức 4
	A5: Có ý thức trong việc phát triển năng lực kết nối và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội.	Mức 4
	A6: Nhận thức sự thay đổi, hình thành năng lực học tập để thích ứng với sự thay đổi.	Mức 5
	A7: Có năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân.	Mức 6

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Quản trị dự án có thể làm việc trong các cơ quan/tổ chức sau:

- Các doanh nghiệp trong và ngoài nước có nhu cầu đầu tư dự án tại Việt Nam.
- Các cơ quan Quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực Quản trị dự án.
- Các tổ chức trong nước và quốc tế liên quan đến tài trợ, thực hiện dự án.
- Các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ, hàng hóa, trang thiết bị sử dụng trong dự án đầu tư.

Vị trí mà cử nhân Quản trị dự án có thể đảm nhận như sau:

- Làm việc trong các bộ phận: Kế hoạch điều phối thực hiện dự án; Quản lý dự án, Quản lý đầu thầu; Quản lý hợp đồng; Quản trị tài chính, ... trong doanh nghiệp.
- Tham gia với tư cách thành viên, hoặc Quản lý các nhóm dự án (lập dự án, phân tích dự án, thẩm định các loại dự án).
- Tham gia với tư cách thành viên, hoặc Quản lý các nhóm: đánh giá triển khai, đánh giá hậu dự án, phân tích và thực hiện các thương vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.
- Vị trí Chuyên gia phân tích tổng hợp dự án, bao gồm cả phân tích rủi ro tài chính các dự án đầu tư trong nước và quốc tế.

Với kiến thức và kỹ năng được đào tạo trong trường, sau quá trình phấn đấu rèn luyện, cử nhân Quản trị dự án có thể đảm đương tốt các chức vụ lãnh đạo doanh nghiệp như: cố vấn, trợ lý, trưởng phòng, giám đốc dự án,... và giám đốc doanh nghiệp.

Ngoài ra, cử nhân Quản trị dự án được đào tạo căn cơ về các kiến thức ngành quản trị, nên có thể đảm đương vai trò nhà quản trị (nhân sự, hành chính, sản xuất, kinh doanh,...) trong các doanh nghiệp. Cử nhân Quản trị dự án còn có thể làm việc quản trị trong các tổ chức chính quyền, đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ.

Cử nhân Quản trị dự án cũng có thể đảm nhận vị trí giảng viên các trường cao đẳng và đại học, nghiên cứu viên các viện nghiên cứu kinh tế và quản trị.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân Quản trị dự án có thể tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) ở các chuyên ngành trong khối ngành Quản trị kinh doanh:

- Quản trị Kinh doanh.
- Thương mại.
- Ngoại thương.
- Marketing.
- Bán hàng.
- Kinh doanh quốc tế.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP**

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh tổng hợp (General Business Administration)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Hình thành tư duy logic, tư duy hệ thống và tư duy phản biện về các hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức.	Mức 2
	K2: Vận dụng phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản trị kinh doanh.	Mức 3
	K3: Hiểu được các quy luật, các nguyên lý vận hành kinh tế vĩ mô và vi mô.	Mức 2
	K4: Vận dụng nền tảng kiến thức trong quản trị và điều hành các hoạt động trong tổ chức, dựa trên sự hiểu biết các kiến thức về lãnh đạo; quản trị, điều hành, nhân sự, marketing, tài chính, kế toán	Mức 3
	K5: Phân tích lựa chọn và sử dụng được các lý thuyết quản trị về điều hành doanh nghiệp/tổ chức.	Mức 4
	K6: Xây dựng các kế hoạch thức ứng phó nhằm giải quyết các vấn đề quản trị trong doanh nghiệp/ tổ chức.	Mức 4
	K7: Triển khai các hoạt động quản trị và điều hành trong doanh nghiệp/tổ chức	Mức 4
	K8: Kiểm soát và đánh giá các hoạt động quản trị và điều hành trong doanh nghiệp (Tổ chức).	Mức 4
	K9: Đề xuất phương thức quản trị tích hợp các hoạt động trong doanh nghiệp/Tổ chức.	Mức 5
	K10: Thiết lập ý tưởng và triển khai đề án khởi sự kinh doanh sáng tạo.	Mức 5
Kỹ năng	S1: Nhận diện các vấn đề quản trị trong tổ chức	Mức 2
	S2: Phân tích và lựa chọn phương thức quản trị hiệu quả cho doanh nghiệp/tổ chức.	Mức 4
	S3: Triển khai , điều hành các phương thức quản trị	Mức 3

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	S4: Hoạch định chiến lược kinh doanh hoặc chiến lược vận hành doanh nghiệp/tổ chức.	Mức 3
	S5: Giao tiếp và làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa, đa phương tiện	Mức 3
	S6: Thích ứng với môi trường hội nhập, môi trường toàn cầu hoá.	Mức 4
	S7: Giải quyết vấn đề và ra quyết định liên quan đến công tác kinh doanh và quản lý.	Mức 5
	S8: Sáng tạo và có khả năng khởi nghiệp	Mức 6
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1: Có thể chất tốt, và ý thức công dân để đạt được năng lực tự chịu trách nhiệm công dân.	Mức 2
	A2: Thái độ chuyên nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết vấn đề	Mức 4
	A3: Thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa văn hóa.	Mức 3
	A4: Ý thức trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	Mức 4
	A5: Có ý thức trong việc phát triển năng lực kết nối và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội.	Mức 4
	A6: Nhận thức sự thay đổi, hình thành năng lực học tập để thích ứng với sự thay đổi.	Mức 5
	A7: Có năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân.	Mức 6

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên Quản trị kinh doanh tổng hợp khi tốt nghiệp có thể làm việc trong tất cả các loại hình doanh nghiệp, ở các vị trí như sau:

- Phòng nhân sự.
- Phòng tổ chức.
- Phòng hành chính.

- Phòng điều độ sản xuất.
- Phòng quản trị chất lượng.
- Phòng kiểm soát nội bộ.
- Phòng Bán hàng.
- Phòng Marketing.
- Phòng Kinh doanh.
- Phòng cung ứng.
- Phòng Quan hệ khách hàng (Phòng chăm sóc khách hàng).

Với kiến thức và kỹ năng được đào tạo trong trường, sau quá trình phấn đấu rèn luyện, các cử nhân Quản trị kinh doanh tổng hợp có thể đảm đương tốt các chức vụ lãnh đạo doanh nghiệp như: cố vấn, trợ lý, trưởng phòng, giám đốc nhân sự, giám đốc kinh doanh, giám đốc marketing, giám đốc chiến lược, giám đốc bán hàng,... và giám đốc doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, các cử nhân Quản trị kinh doanh tổng hợp được đào tạo căn cơ về các kiến thức ngành quản trị, nên có thể đảm đương vai trò nhà quản trị trong các tổ chức chính quyền, đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ.

Các cử nhân Quản trị kinh doanh tổng hợp cũng có thể đảm nhận vị trí giảng viên các trường cao đẳng và đại học khối ngành Quản trị kinh doanh, nghiên cứu viên các viện nghiên cứu kinh tế và quản trị.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân Quản trị kinh doanh tổng hợp có thể tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) ở các chuyên ngành trong khối ngành Quản trị kinh doanh:

- Chuyên ngành thương mại.
- Chuyên ngành ngoại thương.
- Chuyên ngành marketing.
- Chuyên ngành quản trị bán hàng.
- Chuyên ngành quản trị kinh doanh quốc tế.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH HẢI QUAN – XUẤT NHẬP KHẨU**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Hải quan – Xuất nhập khẩu (Customs – Export and Import)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Chủ đề chuẩn đầu ra		Chi tiết chuẩn đầu ra
Kiến thức	Kiến thức cơ sở, kiến thức ngành	K1. Có các kiến thức về lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, tin học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế và các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực kinh tế- quản trị nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức ngành chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K5. Hiểu và phân tích được các nguyên lý cơ bản của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong quá trình vận hành của thị trường tài chính, hoạt động của các tổ chức kinh tế K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, và các tổ chức tài chính nhà nước
	Kiến thức chuyên ngành	K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực Hải quan, chính sách thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu vào thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, các đại lý khai thuế hải quan, các hiệp hội kinh doanh quốc tế, ngành hải quan.... K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực hải quan, chính sách thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu vào thực tiễn.
Kỹ năng	Kỹ năng nghề nghiệp	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực tài chính, thuế, hải quan, xuất nhập khẩu, ... S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính, thuế, hải quan, Xuất nhập khẩu ... S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, xuất nhập khẩu...
	Kỹ năng mềm	S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc S5. Ứng dụng tốt tin học và ngoại ngữ trong công việc

Thái độ, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp. A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp
--	---

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành Hải quan - Xuất nhập khẩu có khả năng làm việc chuyên môn tại các khu vực công và các khu vực tư. Cụ thể:

- Khu vực công: Các đơn vị thuộc Tổng Cục Hải quan, Các đơn vị thuộc các Cục Hải quan địa phương, Các đơn vị thuộc Chi Cục Hải quan cửa khẩu, cảng biển,...
- Khu vực tư: Phòng xuất nhập khẩu của các công ty sản xuất kinh doanh, các công ty khai thuê hải quan, các công ty Forwarder, các công ty Logistics, hãng tàu và các đại lý của hãng tàu,...
- Ngoài ra, sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng trong lĩnh vực Hải quan – Xuất nhập khẩu

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Cử nhân chuyên ngành Hải quan – Xuất nhập khẩu có khả năng học tập ở bậc cao hơn nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Ngân hàng (Banking)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA
Kiến thức	K1. Có các kiến thức về lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, tin học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế và các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - quản trị nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức ngành, chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K5. Hiểu và phân tích được các nguyên lý cơ bản của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong quá trình vận hành của thị trường tài chính, hoạt động của các tổ chức kinh tế. K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp, các định chế tài chính... K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn.
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực kinh tế, Tài chính - Ngân hàng. S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực kinh tế, Tài chính - Ngân hàng. S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực kinh tế, Tài chính - Ngân hàng. S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc S5. Ứng dụng tốt tin học và ngoại ngữ chuyên ngành trong giải quyết công việc
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA
	A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhận các vị trí công việc liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng:

- Giao dịch viên, Kế toán viên, Chuyên viên, chuyên viên cao cấp, lãnh đạo Tín dụng, Thanh toán quốc tế, Kinh doanh ngoại hối, Quản lý nguồn vốn, Tư vấn tài chính, ... tại các Ngân hàng.
- Chuyên viên, chuyên viên cao cấp, lãnh đạo Tài chính, Phân tích Đầu tư, Tư vấn tài chính, Quản lý danh mục đầu tư ... tại các doanh nghiệp và tổ chức tài chính phi ngân hàng.
- Chuyên viên nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về Tài chính - Ngân hàng tại các cơ sở nghiên cứu và giáo dục đại học.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Người học có khả năng tự học và tự nghiên cứu nâng cao trình độ; có khả năng phân tích và lập luận vấn đề, đủ kiến thức để học tiếp chương trình sau đại học như: Thạc sĩ, Tiến sĩ trong và ngoài nước hoặc các chương trình liên kết với nước ngoài.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH BẢO HIỂM VÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Tài chính Bảo hiểm và Đầu tư (Financial Insurance and Investment)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA
Kiến thức	K1. Có các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K5. Có khả năng thu thập thông tin, viết báo cáo, truyền đạt kết quả và đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp, các định chế tài chính,.... K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn.
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, hải quan, thẩm định giá, ... S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, hải quan, thẩm định giá, ... S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, hải quan, thẩm định giá, ... S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc S5. Ứng dụng tốt tin học và ngoại ngữ trong công việc
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp. A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

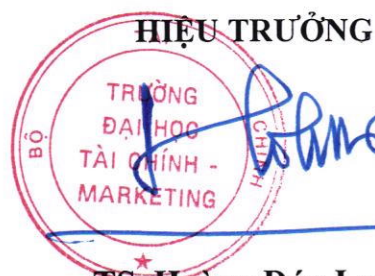
Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhận các vị trí công việc liên quan đến lĩnh vực Tài chính bảo hiểm và đầu tư:

- Chuyên viên giám định rủi ro, chuyên viên khai thác, chuyên viên dịch vụ khách hàng, chuyên viên tái bảo hiểm trong các công ty bảo hiểm.
- Chuyên viên đầu tư tài chính tại công ty bảo hiểm, các quỹ đầu tư.
- Chuyên viên môi giới tại các công ty bảo hiểm, chuyên viên phân tích, dự báo tại các công ty bảo hiểm và các định chế tài chính trung gian khác (chứng khoán, quỹ đầu tư, ngân hàng...)
- Chuyên viên quản lý/kiểm soát rủi ro tại các định chế tài chính;
- Chuyên viên phân tích các vấn đề thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng tại các cơ quan quản lý nhà nước như: Ngân hàng Nhà nước, Vụ chính sách tiền tệ, quản lý ngoại hối, Vụ chiến lược ngân hàng, Vụ Tài chính, Ngân hàng của Bộ Tài chính;
- Chuyên viên phòng kinh doanh, phòng kế hoạch tài chính, phòng kế toán, phòng quản trị tài chính của các công ty bảo hiểm và các định chế tài chính khác;
- Sau khi tích lũy kinh nghiệm thực tiễn sinh viên có khả năng giữ các vị trí quản lý từ trưởng phó phòng trở lên trong các doanh nghiệp, ngân hàng hay bảo hiểm.
- Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học về lĩnh vực kinh tế, tài chính – bảo hiểm. Tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến tài chính – bảo hiểm; giảng dạy các môn học chung của ngành kinh tế và các môn: Nguyên lý bảo hiểm, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, quản trị rủi ro....; triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên, nhà định phí bảo hiểm, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực tài chính – bảo hiểm.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Tài chính – ngân hàng hoặc các ngành cùng khối kinh tế khác như quản trị kinh doanh, kế toán – kiểm toán... theo các chương trình đào tạo chuyên sâu và nâng cao của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước trình độ thạc sỹ, tiến sỹ.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Tài chính công (Public Finance)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA
Kiến thức	K1. Có các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế. K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, tin học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế. K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế và các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - quản trị nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức ngành, chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. K5. Hiểu và phân tích được các nguyên lý cơ bản của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong quá trình vận hành của thị trường tài chính, hoạt động của các tổ chức kinh tế. K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, và các tổ chức tài chính nhà nước. K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính công trong thực tiễn hoạt động có liên quan. K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực tài chính công trong thực tiễn.
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đặc biệt là lĩnh vực tài chính công. S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đặc biệt là lĩnh vực tài chính công S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính công và rộng hơn là các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc. S5. Ứng dụng tốt tin học và ngoại ngữ trong công việc.
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp. A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA
	A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành tài chính công có khả năng làm việc tại nhiều đơn vị khác nhau trong khu vực công. Cụ thể là các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương, bao gồm:

- Các cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngành Tài chính: Sở tài chính cấp tỉnh, thành phố và phòng kế hoạch tài chính cấp quận, huyện. Cục thuế và chi cục thuế quận, huyện. Cục hải quan và chi cục hải quan cửa khẩu, cảng biển,... Hệ thống kho bạc nhà nước tại các tỉnh, thành phố và các quận, huyện.
- Các cơ quan quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực khác từ trung ương đến địa phương: Sở kế hoạch đầu tư, sở y tế, sở giáo dục đào tạo, sở tài nguyên môi trường,....
- Các đơn vị sự nghiệp sử dụng vốn ngân sách nhà nước như: trường học, bệnh viện, các cơ quan quản lý dự án công, các dự án theo mô hình hợp tác công – tư (PPP),....
- Có thể tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng trong lĩnh vực tài chính công.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính công
- Có thể học tập nâng cao trình độ lên các bậc học cao hơn như Cao học hay Nghiên cứu sinh.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH ĐỊNH LƯỢNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Tài chính định lượng (Quantitative Finance)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1 K2 K3 K4 K5 K6 K7 K8	K1. Có các kiến thức về lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, tin học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế và các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - quản trị nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức ngành, chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K5. Hiểu và phân tích được các nguyên lý cơ bản của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong quá trình vận hành của thị trường tài chính, hoạt động của các tổ chức kinh tế. K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp, các định chế tài chính... K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn.
Kỹ năng	S1 S2 S3 S4 S5	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực kinh tế, Tài chính - Ngân hàng. S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực kinh tế, Tài chính - Ngân hàng. S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực kinh tế, Tài chính - Ngân hàng.

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
		S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc S5. Ứng dụng tốt tin học và ngoại ngữ chuyên ngành trong giải quyết công việc
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1 A2 A3 A4	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp. A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận công việc trong các cơ sở kinh tế (đặc biệt hiệu quả trong các định chế tài chính, ngân hàng, tổng công ty, công ty chứng khoán, đơn vị tư vấn...trong và ngoài nước) và các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ sở nghiên cứu và giáo dục đại học.
- Sinh viên có thể đảm nhiệm vị trí: chuyên viên quản trị rủi ro, chuyên viên tư vấn, phân tích, dự báo, định phí, nhân viên cơ quan quản lý chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, thống kê....

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Người học có khả năng tự học và tự nghiên cứu nâng cao trình độ; có khả năng phân tích và lập luận vấn đề, đủ kiến thức để theo học các chương trình đào tạo sau đại học về kinh tế Tài chính hoặc Toán ứng dụng ở Việt Nam cũng như ở nước ngoài(Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Singapore,...).

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA
Kiến thức	K1. Có các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K5. Có khả năng thu thập thông tin, viết báo cáo, truyền đạt kết quả và đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp, các định chế tài chính,.... K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn.
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, hải quan, thẩm định giá, ... S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, hải quan, thẩm định giá... S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, hải quan, thẩm định giá, ... S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc S5. Ứng dụng tốt tin học và ngoại ngữ trong công việc
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA
	A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp

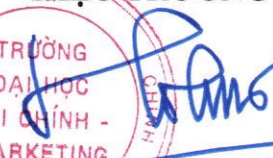
Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận chức danh chuyên viên tài chính và đảm nhận công tác tài chính tại ngân hàng thương mại, các công ty, tổng công ty sản xuất kinh doanh, các đơn vị đào tạo các chuyên ngành có liên quan đến tài chính doanh nghiệp.
- Học tập nâng cao để trở thành Giảng viên các môn liên quan quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Người học có khả năng tự học và tự nghiên cứu nâng cao trình độ; có khả năng phân tích và lập luận vấn đề, đủ kiến thức để học tiếp chương trình sau đại học như: Thạc sĩ, Tiến sĩ trong và ngoài nước hoặc các chương trình liên kết với nước ngoài.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)


HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Thẩm định giá (Valuation)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA
Kiến thức	K1. Có kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế. K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, tin học, phân tích thông kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế. K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế và các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - quản trị nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức ngành, chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. K5. Hiểu và phân tích được các nguyên lý cơ bản của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong quá trình vận hành của thị trường tài chính, hoạt động của các tổ chức kinh tế. K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính nhà nước. K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp, các định chế tài chính,.... K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong thực tiễn.
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng. S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng. S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng. S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc S5. Ứng dụng tốt tin học và ngoại ngữ trong công việc
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp. A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Đại đa số sinh viên có thể làm công việc thẩm định giá tài sản tại các bộ phận thuộc các cơ quan quản lý nhà nước như Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, .v.v...; phòng Tài chính, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng, .v.v... các quận huyện, các ngân hàng, công ty thẩm định giá, công ty chứng khoán, .v.v...
- Một số sinh viên có khả năng giảng dạy và nghiên cứu có thể làm việc tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tốt nghiệp chuyên ngành Thẩm định giá, sinh viên có khả năng tự học tập suốt đời để nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp của mình; bên cạnh đó sinh viên có thể hoạch định cho mình một kế hoạch học tập ở bậc sau đại học nhằm nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp và nâng cao tầm nhìn cũng như quản lý về lĩnh vực nghề nghiệp thẩm định giá.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Đức Long

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH THUẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1889 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Thuế (Taxation)

Trình độ đào tạo: Đại học

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường.
- Sinh viên cần có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại Trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào của Trường.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định liên quan của Bộ Giáo dục – Đào tạo và của trường.
- II.2. Quy định về trình độ tiếng Anh: đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo chuẩn TOEIC tối thiểu 405 điểm hoặc tương đương.
- II.3. Quy định về trình độ tin học: đạt Chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel) do Microsoft cấp.
- II.4. Quy định về kỹ năng mềm: đạt yêu cầu 4 kỹ năng mềm trong 8 kỹ năng mềm sau đây, cụ thể:
 - II.4.1. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:
 - 1. Kỹ năng Thuyết trình.
 - 2. Kỹ năng Làm việc nhóm.
 - 3. Kỹ năng Quản lý thời gian.
 - 4. Kỹ năng Tư duy sáng tạo.
 - II.4.2. Hai (2) kỹ năng thuộc bốn (4) kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:
 - 1. Kỹ năng Giao tiếp.
 - 2. Kỹ năng Giải quyết vấn đề.
 - 3. Kỹ năng Tìm việc.
 - 4. Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Chủ đề chuẩn đầu ra	Chi tiết chuẩn đầu ra
Kiến thức	K1. Có các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.
	K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, tin học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.
	K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
	K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế và các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - quản trị nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức ngành, chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
	K5. Hiểu và phân tích được các nguyên lý cơ bản của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong quá trình vận hành của thị trường tài chính, hoạt động của các tổ chức kinh tế.
	K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, và các tổ chức tài chính nhà nước.
	K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực thuế trong thực tiễn hoạt động có liên quan.
	K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực thuế trong thực tiễn.
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đặc biệt là lĩnh vực thuế
	S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đặc biệt là lĩnh vực thuế
	S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực thuế và rộng hơn là các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
	S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc.
	S5. Ứng dụng tốt tin học và ngoại ngữ trong công việc.

Chủ đề chuẩn đầu ra	Chi tiết chuẩn đầu ra
Thái độ, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp.
	A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.
	A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
	A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành thuế có khả năng làm việc tại nhiều đơn vị khác nhau trong khu vực công và khu vực tư. Cụ thể:

- Tại khu vực công: thực hiện các công việc chuyên môn về thuế như là các chuyên viên tại các Cục thuế cấp Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, và các chi cục thuế cấp quận, huyện.
- Tại khu vực tư nhân: có thể thực hiện công tác chuyên môn về thuế như: phân tích, hoạch định, tư vấn, kê khai và quyết toán thuế tại nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau: các công ty sản xuất kinh doanh, các công ty tư vấn và phân tích về thuế, các công ty kiểm toán độc lập, các công ty đại lý thuế, hay tự mình làm đại lý thuế,...

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Trên cơ sở lý thuyết tương đối chuyên sâu kết hợp với thực tế; sinh viên có thể tiếp cận được những kiến thức mới và/hoặc có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.
- Có khả năng nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Thuế, Tài chính.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo (được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo)



HIỆU TRƯỞNG

(Signature)

TS. Hoàng Đức Long